

 Trần Quốc Thắng

DANH MỤC HÀNG HÓA GỬI RA CÔNG TRÌNH BIỂN
 СПИСОК ГРУЗОВ ДЛЯ ОТПРАВКИ НА МОРСКИЕ ОБЪЕКТЫ (№ 421/2020)

Tàu dịch vụ / ТБС: VUNGTAU-02

Bắt đầu xếp hàng / Начало погрузки: 17:00 31/10/2020

Thời gian tàu rời bến / Отход в море: 23:00 31/10/2020

П/П	Tên công trình biển Наименов. Объектов	Hàng hóa được gửi Отправленный груз		SL đặt hàng Кол-во заявленн.		Cho dự án Lô Для Блока	Đơn vị gửi Заказчик
		№	Tên vật tư, hàng hóa Наименование груза	Kiện Место	Tấn тонн		
1	ТамДао-03 <u><i>1-подход!</i></u>	1	Cont. 0708 (1.60x1.20)m	1 конт	3.0 т	09-1	MЭП
		2	Зип dv6 (1.80x1.80)m	1 конт	2.5 т	-/-	ПБиКРС
		3	Container 10ft VSP 10-004 - <u><i>TANG CÁP GỬI GẤP!</i></u> (3.50x2.50)m	1 конт	4.5 т	-/-	ПДНГ
		4	Container 10ft KT52- <u><i>TANG CÁP GỬI GẤP!</i></u> (3.50x2.50)m	1 конт	6.0 т	-/-	-/-
2	ТамДао-05	1	Зип dv6 (1.80x1.80)m	1 конт	2.5 т	09-1	ПБиКРС
3	BK-17	1	Пустой кон-р для вред.отходов (1.50x1.00)m	1 шт	1.0 т	09-1	ПДНГ
		2	Пустой кон-р для мусора (1.50x1.00)m	1 шт	1.0 т	-/-	-/-
4	BK-9	1	Пустой кон-р для вред.отходов (1.50x1.00)m	1 шт	1.0 т	09-1	ПДНГ
		2	Пустой кон-р для мусора (1.50x1.00)m	1 шт	1.0 т	-/-	-/-
		3	XL-04-B-09, 73 thùng hàng (2.60x1.60)m	2 конт	5.0 т	-/-	ПСОРОНГД
		4	XL-04-D-15 rọ giàn giáo (6.20x0.70)m	1 пак	4.0 т	-/-	-/-
5	BK-6	1	Пустой кон-р для вред.отходов (1.50x1.00)m	1 шт	1.0 т	09-1	ПДНГ
6	BK-5	1	XL-04-B-96 thùng hàng (1.50x1.20)m	1 конт	0.6 т	09-1	ПСОРОНГД
7	ЦКП	1	<u><i>Container 20ft chứa vật tư thiết bị số KT-96</i></u> <u><i>(6.00x2.40)m</i></u>	1 конт	4.0 т	09-1	ПГО
		2	Container nhớt (Turbo T32 = 10 phuy) (1.83x1.83)m	2 конт	3.0 т	-/-	-/-
		3	Container nhớt hóa chất ARMONIB (08 phuy) (1.83x1.83)m	1 конт	2.0 т	-/-	-/-
		4	Container chứa GLYCOL (90 phuy) (1.83x1.83)m	12 конт	28.0 т	-/-	-/-
		5	Container chứa tank hóa chất K143 (08 tank) (3.00x2.40)m	2 конт	10.0 т	-/-	-/-
		6	Container chứa rác thải nguy hại/sinh hoạt (3/2) (1.80x1.50)m	5 конт	4.0 т	-/-	-/-
		7	K/A (20/10) (1.50x0.70)m	3 кас	4.5 т	-/-	-/-
8	MSP-7	1	<u><i>Sоль CaCl2 С ПОСОМ (18 Tấn) (9 Контейнер 6ft)</i></u> <u><i>(1.80x1.80)m</i></u>	9 конт	27.0 т	09-1	ПДНГ
9	КьуЛонг	1	<u><i>OK-Φ508мм/48шт + патрубки (вскр-ни)</i></u> <u><i>(12.50x1.00)m</i></u>	24 пак	114.0 т	09-1	ПБиКРС
Tổng cộng - Всего:				48	229.6 т		

Chuyên viên TТĐĐSX / Гл.специалист ЦПДС: 